

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 06/05/2023)
Ông Tô Giang Nam	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 06/05/2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/02/2023)
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/02/2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

Người công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Phương – Trưởng Bộ phận Nội chính

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 391/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.281.935.529	28.954.340.154
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	155.243.289	38.870.657
Tiền	111		155.243.289	38.870.657
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.956.677.412	28.782.913.003
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.531.982.750	1.593.580.319
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	679.354.252	720.604.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	32.444.792.404	32.168.180.426
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.699.451.994)	(5.699.451.994)
Hàng tồn kho	140		37.458.334	-
Hàng tồn kho	141		37.458.334	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		132.556.494	132.556.494
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	132.556.494
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.793.129.271	64.171.618.392
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.621.948.409	9.621.948.409
Tài sản cố định	220		4.171.180.862	4.549.669.983
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.171.180.862	4.549.669.983
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.488.116.293)	(10.109.627.172)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	70.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		113.075.064.800	93.125.958.546

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.512.884.493	21.695.062.927
Nợ ngắn hạn	310		18.493.884.493	21.096.062.927
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	10.826.742.755	11.588.112.416
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.055.159	23.055.159
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	462.691.236	1.956.508.021
Phải trả người lao động	314		1.174.308.018	1.176.128.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.799.511.935	1.801.467.923
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.157.040.791	4.550.256.791
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.534.599	534.599
Nợ dài hạn	330		19.000.000	599.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	15	19.000.000	599.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.562.180.307	71.430.895.619
Vốn chủ sở hữu	410	16	94.562.180.307	71.430.895.619
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	142.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	142.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68.520.748.631)	(71.652.033.319)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(71.652.033.319)	(77.247.288.219)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.131.284.688	5.595.254.900
TỔNG NGUỒN VỐN	440		113.075.064.800	93.125.958.546

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	4.546.744.674	4.578.181.192
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.546.744.674	4.578.181.192
Giá vốn hàng bán	11	19	174.644.313	192.691.188
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		4.372.100.361	4.385.490.004
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.557.866.152	2.249.394.853
Chi phí tài chính	22	21	64.770.636	64.012.076
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	22	75.624.040	157.450.250
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.042.345.754	2.400.389.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.747.226.083	4.013.033.525
Thu nhập khác	31		-	2.593.091.409
Chi phí khác	32	23	119.146.721	1.010.870.034
Lợi nhuận khác	40		(119.146.721)	1.582.221.375
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.628.079.362	5.595.254.900
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	446.794.674	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.181.284.688	5.595.254.900

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	3.628.079.362	5.595.254.900
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	378.489.121	478.362.206
Các khoản dự phòng	03	-	(203.705.841)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	52.345.636	64.012.076
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.557.866.152)	(2.249.394.853)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.501.047.967	3.684.528.488
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.383.171.939	2.712.752.710
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37.458.334)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.434.698.620)	(6.665.508.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(297.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.062.952	(268.227.218)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	(22.624.387)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	929.804	180.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.999.070.196)	(22.443.668)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	115.992.756	(290.670.886)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	329.111.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	379.876	430.217
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	38.870.657

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 15/12/2023.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 04 người (tại ngày 01/01/2023 là 05 người)

1.2. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, hoạt động chính của Công ty là cho thuê địa điểm kinh doanh.

1.3. CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.6.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính/báo cáo tài chính tổng hợp riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bán cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí bán hàng phải trả cán bộ công nhân viên và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	79.650.418	5.509.487
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.592.871	33.361.170
Cộng	155.243.289	38.870.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	-	(*) 50.000.000.000	50.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	70.000.000.000	-	(*) 50.000.000.000	50.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	(*) 866.640.000	866.640.000	(866.640.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	(*) 866.640.000	866.640.000	(866.640.000)	(*)
Cộng	70.866.640.000	(866.640.000)	(*) 50.866.640.000	50.866.640.000	(866.640.000)	(*)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Trong năm 2023 Công ty có phát sinh giao dịch đầu tư góp vốn thêm 20.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1.

(*) Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.531.982.750	(1.513.702.150)	1.593.580.319	(1.513.702.150)
- Công ty CP giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
- Các đối tượng khác	1.452.164.657	(1.433.884.057)	1.513.762.226	(1.433.884.057)
b) Dài hạn	9.621.948.409	-	9.621.948.409	-
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	9.621.948.409	-	9.621.948.409	-
Cộng	11.153.931.159	(1.513.702.150)	11.215.528.728	(1.513.702.150)

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	679.354.252	(679.354.252)	720.604.252	(679.354.252)
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
- Các đối tượng khác	-	-	41.250.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	679.354.252	(679.354.252)	720.604.252	(679.354.252)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	32.444.792.404	(3.506.395.592)	32.168.180.426	(3.506.395.592)
- Phải thu khác	32.444.792.404	(3.506.395.592)	32.168.180.426	(3.506.395.592)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	28.301.017.104	-	25.694.080.756	-
+ Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co, LTD	-	-	2.330.324.370	-
+ Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	(1.493.341.592)	1.493.341.592	(1.493.341.592)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	32.444.792.404	(3.506.395.592)	32.168.180.426	(3.506.395.592)

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND	Giá trị Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	-
+ Ông Trần Văn Diệp	65.276.477	-	65.276.477	-
+ Ông Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	-
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	1.418.505.460	-
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	-
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	-
Tạm ứng	-	-	-	-
+ Các đối tượng khác	-	-	324.692.640	-
Phải thu khác	3.506.395.592	-	3.506.395.592	-
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	-
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	-
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	-	472.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	-	1.493.341.592	-
Cộng	5.699.451.994	-	5.699.451.994	-
				5.699.451.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
31/12/2023	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2023	(4.505.147.818)	(2.607.309.790)	(2.224.692.697)	(772.476.867)	(10.109.627.172)
- Khấu hao trong năm	(286.070.037)	(36.666.657)	(38.957.383)	(16.795.044)	(378.489.121)
31/12/2023	(4.791.217.855)	(2.643.976.447)	(2.263.650.080)	(789.271.911)	(10.488.116.293)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	4.357.561.483	52.380.900	38.957.383	100.770.217	4.549.669.983
31/12/2023	4.071.491.446	15.714.243	-	83.975.173	4.171.180.862

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 7.869.325.049 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 6.393.328.599 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm kế toán <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	59.500.000	59.500.000
31/12/2023	<u>59.500.000</u>	<u>59.500.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(59.500.000)	(59.500.000)
31/12/2023	<u>(59.500.000)</u>	<u>(59.500.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	-	-
31/12/2023	<u>-</u>	<u>-</u>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 59.500.000 VND (tại ngày 01/01/2023 là 59.500.000 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023 <u>VND</u>	01/01/2023 <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	10.826.742.755	11.588.112.416
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	2.014.287.641	2.154.287.641
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	619.827.064	1.229.827.064
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh	1.907.491.865	1.854.766.353
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TWI	2.499.323.543	2.499.323.543
- Các đối tượng khác	3.785.812.642	3.849.907.815
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>10.826.742.755</u>	<u>11.588.112.416</u>

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	316.774.278	394.955.174	481.717.063	230.012.389				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	446.794.674	297.000.000	149.794.674				
- Thuế thu nhập cá nhân	862.107.463	27.162.169	887.507.757	1.761.875				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	454.547.754	454.547.754	-				
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	777.626.280	22.646.721	719.150.703	81.122.298				
Cộng	1.956.508.021	1.350.106.492	2.843.923.277	462.691.236				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.799.511.935	1.801.467.923
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.750.406.500	1.715.406.500
- Các khoản trích trước khác	49.105.435	86.061.423
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.799.511.935	1.801.467.923

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.157.040.791	4.550.256.791
- Kinh phí công đoàn	39.436.883	42.652.883
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.117.603.908	4.507.603.908
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	400.000.000	700.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	12.900.000	12.900.000
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	747.785.260
+ Các đối tượng khác	1.059.377.830	1.149.377.830
b) Dài hạn	19.000.000	599.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.000.000	599.000.000
Cộng	4.176.040.791	5.149.256.791

c) Phải trả khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2022	142.499.690.000	115.119.984.904	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(192.367.273.123)	65.835.640.719						
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	5.595.254.900						5.595.254.900
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	115.119.984.904						115.119.984.904
- Giảm khác	-	(115.119.984.904)	-	-	-	-	(115.119.984.904)						(115.119.984.904)
31/12/2022	142.499.690.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(71.652.033.319)	71.430.895.619						
01/01/2023	142.499.690.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(71.652.033.319)	71.430.895.619						
- Táng vốn trong năm nay (*)	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000						
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.181.284.688						3.181.284.688
- Phân phối lợi nhuận + Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(50.000.000)						(50.000.000)
- <i>phúc lợi (**)</i>	-	-	-	-	-	-	(50.000.000)						(50.000.000)
31/12/2023	162.499.690.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(68.520.748.631)	94.562.180.307						

(*) Công ty thực hiện tăng vốn do chào bán 2.000.000 cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41-2022/NQ-ĐHCD ngày 22/10/2022.

(**) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định số 04/2024/QĐ-C.THQQT ngày 06/03/2024 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
- Ông Chu Văn Chung	20.000.000.000	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	81.612.710.000	81.612.710.000
Cộng	162.499.690.000	142.499.690.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	142.499.690.000	142.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	142.499.690.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	14.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.969	14.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	14.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	14.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	553,67	562,57

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Doanh thu	4.546.744.674	4.578.181.192
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.546.744.674	4.578.181.192
Cộng	4.546.744.674	4.578.181.192

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	174.644.313	192.691.188
Cộng	174.644.313	192.691.188

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	929.804	180.719
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.556.936.348	2.249.214.134
Cộng	1.557.866.152	2.249.394.853

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.425.000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	52.345.636	64.012.076
Cộng	64.770.636	64.012.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	2.042.345.754	2.400.389.006
- Chi phí nhân viên quản lý	675.082.816	694.330.936
- Chi phí đồ dùng văn phòng	52.789.121	45.126.504
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	128.220.768	128.220.768
- Thuế, phí và lệ phí	458.547.754	650.121.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.068.497	191.401.231
- Chi phí bằng tiền khác	512.636.798	691.188.314
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>	75.624.040	157.450.250
- Chi phí khấu hao TSCĐ	75.624.040	157.450.250

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Các khoản chi phí khác	12.500.000	140.607.303
- Chi phí phạt chậm nộp, phạt thuế	22.646.721	766.262.731
- Thù lao HĐQT	84.000.000	104.000.000
Cộng	119.146.721	1.010.870.034

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	52.789.121	45.126.504
- Chi phí nhân công	675.082.816	694.330.936
- Khấu hao tài sản cố định	378.489.121	478.362.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.068.497	191.401.231
- Chi phí bằng tiền khác	971.184.552	1.341.309.567
Cộng	2.292.614.107	2.750.530.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.628.079.362	5.595.254.900
Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.210.231	1.010.870.034
- Các khoản chi phí (phạt)	35.146.721	766.262.731
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	84.000.000	104.000.000
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	44.063.510	140.607.303
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.557.316.224	2.249.644.351
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	379.876	430.217
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.556.936.348	2.249.214.134
Chuyển lỗ các năm trước	-	4.357.341.017
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.233.973.369	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	446.794.674	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	446.794.674	-

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	Công ty con
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	84.000.000	104.000.000
Cộng	84.000.000	104.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT	-	10.000.000
Lê Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	-	10.000.000
Đặng Tiếp	Trưởng BKS	-	10.000.000
Trần Hồng Quỳnh	Thành viên BKS	-	5.000.000
Vũ Văn Đôn	Thành viên BKS	-	5.000.000
Nguyễn Việt Hoàng	Ủy viên HĐQT	24.000.000	14.000.000
Tô Giang Nam	Ủy viên HĐQT	10.000.000	14.000.000
Bùi Hương Liên	Ủy viên HĐQT	14.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1		
Chuyển tiền	2.300.000.000	300.000.000
Chuyển lãi về Công ty mẹ	1.556.936.348	2.249.214.134
Bổ sung vốn điều lệ	20.000.000.000	22.624.387
Chuyển trả tiền vay	1.250.000.000	-
Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng	9.621.948.409	9.621.948.409
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu khác	28.301.017.104	25.694.080.756
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	28.301.017.104	25.694.080.756
Phải trả người bán	2.499.323.543	2.499.323.543
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
Phải trả khác	400.000.000	700.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	400.000.000	700.000.000

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I đã được kiểm toán.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Nguyễn Anh Tuấn